

QUY TRÌNH SOẠN THẢO VÀ BAN HÀNH VĂN BẢN PHÁP LUẬT THỜI NGUYỄN (1802 - 1884) - NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM

TRẦN HỒNG NHUNG *

Tóm tắt: Nhà nước phong kiến Việt Nam thời Nguyễn (1802 - 1884) rất chú trọng công tác xây dựng và ban hành văn bản pháp luật với một quy trình chặt chẽ, khoa học từ khâu soạn thảo, chuyển giao văn bản, quản lý và sử dụng con dấu, tổ chức lưu trữ cho đến việc đào tạo và sử dụng cán bộ làm công tác công văn, giấy tờ. Sự quan tâm đúng mức của nhà Nguyễn với công tác văn bản đã góp phần xây dựng nền hành chính vững mạnh, là cơ sở tạo nên thành tựu quan trọng trên nhiều lĩnh vực của đất nước thời kì này; đồng thời để lại nhiều giá trị tham khảo đối với công tác soạn thảo và ban hành pháp luật ở Việt Nam hiện nay như: chú trọng yếu tố con người, quy định rõ thẩm quyền của các cá nhân, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong quá trình xây dựng và ban hành văn bản.

Từ khóa: Quy trình soạn thảo, văn bản pháp luật, thời Nguyễn

Nhận bài: 03/01/2019

Hoàn thành biên tập: 28/02/2020

Duyệt đăng: 12/3/2020

PROCESS OF DRAFTING AND PROMULGATING LEGAL DOCUMENTS UNDER THE NGUYỄN DYNASTY (1802-1884) - LESSONS LEARNT

Abstracts: The Vietnam's feudal State under the Nguyễn dynasty (1802-1884) paid much attention to draft and promulgation of legal documents with a coherent and logical process from drafting and handover of legal documents, management and use of stamps, organisation of archives to training and using staff dealing with paperwork. The due care of the Nguyễn dynasty to legal document drafting contributed to the development of a strong public administration and the creation of significant achievements in many areas of the country in this period. This also offers a range of valuable lessons for the current draft and promulgation of legal documents in Vietnam such as: paying attention to human factor, clarifying individual competences and strengthening control and supervision of draft and promulgation of legal documents.

Keywords: Drafting process; legal document; the Nguyễn dynasty

Received: Jan 3rd, 2019; Editing completed: Feb 28th, 2020; Accepted for publication: Mar 12th, 2020

1. Khái quát về các loại hình văn bản pháp luật ở Việt Nam thời Nguyễn (1802 - 1884)

Hoạt động xây dựng và ban hành pháp luật được các triều vua Nguyễn từ Gia Long đến Tự Đức đặc biệt chú trọng, xuất phát từ nhiều lí do: 1) Đất nước vừa trải qua chiến

tranh, kinh tế suy yếu, xã hội bất ổn, pháp luật là công cụ cần thiết để ổn định lại tình hình; 2) Đáp ứng yêu cầu quản lí lãnh thổ rộng lớn, nhà nước cần có hệ thống pháp luật thống nhất từ Bắc chí Nam, hướng đến việc bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ cũng như phản ánh được sự đa dạng về dân tộc; 3) Kinh tế ngày càng phát triển, quan hệ xã hội ngày càng mở rộng đòi hỏi pháp luật cũng

* Giảng viên, Trường Đại học Luật Hà Nội
E-mail: hongnhung85@hlu.edu.vn

phải phát triển theo nhằm xây dựng quốc gia hùng mạnh ở phương Nam chống lại nguy cơ xâm lược từ ngoại bang và thực hiện các chức năng kinh tế, xã hội của nhà nước; 4) Pháp luật cần được ban hành để kịp thời đối phó với những khó khăn, bất ổn diễn ra thường xuyên trong phạm vi cả nước.

Thành tựu lập pháp thời Nguyễn không chỉ nhiều về số lượng mà còn đa dạng về hình thức, phong phú về nội dung. Công trình lập pháp tiêu biểu trong thời kỳ này là sự ra đời của một bộ luật được áp dụng thống nhất trong cả nước - bộ Hoàng Việt luật lệ hay còn gọi là Luật Gia Long. Đây là một trong những bộ luật đầy đủ và hoàn chỉnh nhất của hệ thống cổ luật Việt Nam. Cùng với việc pháp điển hoá, các nhà làm luật thời Nguyễn cũng quan tâm đến việc hệ thống hoá các văn bản pháp luật đơn hành thành các tập hội điển như Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ,⁽¹⁾ Đại Nam điển lệ toát yếu,⁽²⁾ Minh Mệnh chính yếu⁽³⁾... với mục đích chủ yếu giúp cho việc áp dụng pháp

luật được thuận tiện hơn. Bên cạnh đó, hệ thống văn bản quản lý nhà nước đồ sộ cũng được ban hành. Những văn bản này cũng đa dạng về hình thức và nội dung, bao gồm các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của nhà vua (luật, chiếu, chỉ, dụ, lệ, lệnh, sắc...) và thuộc thẩm quyền ban hành của các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương (biểu, tấu, sớ, các loại công văn: truyền thị, giáo thị, tư di, tư trình, trát, bảm...); các sổ sách phục vụ cho hoạt động quản lý nhà nước: sổ hộ tịch, sổ địa bạ, sổ duyệt tuyền, sổ lí lịch quan viên, sổ theo dõi thu chi tài chính, tôn phá ngọc điệp...⁽⁴⁾

Các loại văn bản do nhà vua ban hành dùng trong các trường hợp như: ban bố với toàn dân chủ trương, quyết sách hoặc quan điểm của nhà vua về một vấn đề quan trọng liên quan đến việc trị nước, đến vận mệnh quốc gia (luật, chiếu); giải quyết những vấn đề thường nhật trong hoạt động quản lý hoặc chuẩn y lời tâu trình của cấp dưới hoặc đề ban tước, định phẩm hàm cho quan lại, phong tước vị cho thần linh... (lệnh, lệ, chỉ, sắc); khuyến bảo, răn dạy thần dân, ra lệnh thi hành hoặc đề ra các quy định mang tính pháp quy (chỉ, dụ). Một số văn bản do nhà vua ban hành được ghi chép trong Đại Nam thực lục như: Chi của vua Gia Long ban hành năm 1802 quy định không được cướp kho tàng, đốt sách vở, nếu thu được giấy tờ quan trọng phải trình tấu; Chiếu năm 1811 của vua Gia Long gửi cho sứ giả nước Vạn Tượng nhân việc nước này sai sứ đến cống, đưa trả về

(1). Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ ghi chép các điển chương chế độ, điển pháp, quy chuẩn của nhà Nguyễn do Nội các triều Nguyễn biên soạn vào giữa thế kỉ XIX. Bộ sách gồm 262 quyển tập hợp tương đối đầy đủ các chiếu chỉ, tấu sớ của triều đình Nguyễn từ năm Gia Long thứ nhất (1802) đến năm Tự Đức thứ tư (1851) và việc thi hành các chỉ dụ đó cùng một số điển lệ sửa đổi.

(2). Đại Nam điển lệ toát yếu là bộ hội điển tập hợp văn bản pháp luật từ Gia Long đến Thành Thái. Sách gồm 4 quyển: Quyển 1: Lại lệ; Quyển 2: Hộ lệ; Quyển 3: Lễ lệ; Quyển 4: Binh, Hình, Công lệ.

(3). Minh mệnh chính yếu do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn. Nội dung ghi chép lại những văn bản quản lý và những sự kiện tiêu biểu diễn ra trong thời gian trị vì của Minh Mệnh: sinh hoạt cung đình, ban hành luật, ngoại giao, trị an, khai hoang, khẩn hoá...

(4). Vũ Thị Phụng, *Văn bản quản lý nhà nước thời Nguyễn (1802 - 1884)*, Luận án tiến sĩ, Đại học quốc gia Hà Nội, 1999, tr. 34.

hơn ba chục người lính trốn;⁽⁵⁾ năm 1815, vua Gia Long ban chiếu thi hành Quốc triều luật lệ cho trong ngoài;⁽⁶⁾ năm 1827, vua Minh Mạng ra chỉ dụ về tệ hại của quan lại ở Bắc thành;⁽⁷⁾ năm 1828, vua Minh Mạng định lệ cho Bắc Thành chọn đặt Lí trưởng;⁽⁸⁾ năm 1841, vua Thiệu Trị sắc cho Viện cơ mật và Nội các về việc bảo quản và cất giữ các văn bản, giấy tờ của nhà vua và triều đình...

Các loại văn bản do cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương ban hành để giải quyết những công việc cụ thể trong hoạt động quản lí nhà nước tương ứng với thẩm quyền, chức năng của các cơ quan nhà nước. Các quan lại từ trung ương đến địa phương cũng được phép ban hành một số văn bản quản lí như: các loại tấu, phiến, phúc... do các nha môn sử dụng để tâu bày lên vua về các vấn đề cụ thể, nêu kiến nghị để vua xem xét, phê duyệt; các loại văn bản như truyền thị... của các quan, đình thần thông báo mệnh lệnh hoặc các quyết định từ trung ương đến các quan văn, võ lớn nhỏ trong kinh ngoài tỉnh; các loại văn bản như tư di, tư trình, trát... do các quan lại ở trung ương và địa phương gửi cho các cơ quan, chức quan ngang hàng, ngang cấp để trao đổi công việc. Bên cạnh đó là một số loại sổ sách được sử dụng trong hoạt động quản lí nhà nước như sổ hộ tịch (dùng để đăng kí nhân khẩu ở các làng xã),

sổ địa bạ (dùng ghi chép thông kê tình hình ruộng đất từng làng xã, sổ duyệt tuyển (dùng để kê khai dân đinh qua sự kiểm tra, phân loại của các quan lại nhà nước có thẩm quyền), sổ lí lịch của quan lại (gồm các giấy tờ liên quan đến quan lại), sổ thuế (ghi chép tình hình thu thuế của các địa phương), ngọc điệp và tôn phá (ghi chép tiểu sử, thông tin của những người trong hoàng tộc)...

Cũng cần kể đến khối lượng lớn các văn bản hương ước được xem là “bộ luật riêng” của từng làng dùng để điều chỉnh các quan hệ xã hội chủ yếu trong nội bộ làng xã đã được nhà nước thừa nhận và cho phép ban hành theo những quy định riêng. Những bản hương ước với những nét riêng, độc đáo đã làm phong phú hơn hệ thống pháp luật tạo nên bản sắc của văn hoá chính trị-pháp lí Việt Nam thời phong kiến.

Phần lớn các văn bản pháp luật của nhà Nguyễn đến hiện nay vẫn được lưu giữ và bảo quản là những tư liệu quý giá phản ánh mọi mặt đời sống chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế, văn hoá, xã hội của triều đại quân chủ phong kiến cuối cùng trong lịch sử Việt Nam, đặc biệt Châu bản triều Nguyễn đã được UNESCO công nhận là di sản tư liệu thuộc Chương trình kí ức thế giới khu vực châu Á - Thái Bình Dương năm 2014.

Mỗi loại văn bản đều tuân theo những quy định rõ ràng về thẩm quyền ban hành, nội dung, quy trình xây dựng và ban hành, lưu trữ nhất định.

2. Quy trình soạn thảo và ban hành văn bản pháp luật thời Nguyễn (1802 - 1884)

2.1. Các cơ quan soạn thảo và quản lí văn bản thời Nguyễn

Dưới thời Gia Long (1802 - 1840), việc

(5). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2004, tr. 775.

(6). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, sđd, tr. 906.

(7). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, sđd, tr. 616.

(8). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 2, sđd, tr. 753.

gin giữ, quản lí công văn, ngự chế được giao cho 3 viện là Thị thư viện, Thị hàn viện và Nội hàn viện (Tam nội viện) chuyên trách, cùng với ti Thượng bảo giữ ấn tín. Thuộc viện làm việc gồm có Thị thư viện thừa chỉ, Thị chiếu viện thừa chỉ, Thượng bảo khanh... thường do viên quan giữ chức các viên Hàn lâm viện thừa chỉ kiêm nhiệm. Năm Minh Mệnh thứ nhất (1820), nhà Vua cho gộp các cơ quan này và đổi thành Văn thư phòng vẫn chuyên trách việc quản lí chuyển phát các văn thư giấy tờ; các bản chiếu, dụ, các bài ngự chế cùng ấn tín bảo ti... và đặt các chức Thượng bảo khanh, Thượng bảo thiếu khanh để quản lí. Đến năm 1829, Minh Mệnh ban Dụ báo thị thần rằng: *"Văn thư phòng là chỗ then chốt, mà xét đến tên thì theo chế độ nhà Minh chỉ là một tào riêng. Trước ý Trẫm không muốn dài các có quyền lớn, cho nên mượn tên ấy để cho giữ sổ sách, chạy công việc mà thôi. Nay nghĩ phòng ấy rất quan trọng đối với việc chính sự, dấu không có danh Tể tướng mà hình như có thực quyền Tể tướng rồi thì tên gọi cũng nên tương xứng. Song không nên đặt quan cao, người trường người thứ nên lấy hàm từ Nhị, Tam phẩm cũng vì như sáu bộ thêm làm bảy bộ mà thôi".*⁽⁹⁾ Từ đó đổi Văn thư phòng làm Nội các.

Nội các có các chức trách cụ thể như sau: coi giữ ấn tín; theo vua xa giá trong các cuộc tuần du hoặc dự lễ như lễ Nam giao; truyền chỉ dụ, lưu chỉ dụ cho các nha môn; thu, sao lục các công văn, chương sớ đến và được truyền từ vua. Tuy nhiên việc chuyển đạt, tàu

trình các công văn, chương sớ đến và truyền từ vua không do Nội các đảm nhiệm mà do Thông chính sứ ty⁽¹⁰⁾ đảm nhiệm; xét tâu những sổ sách chưa hợp lệ của các nha môn; chép sách, phát quyển trong các kì thi Đình.⁽¹¹⁾

Nhà vua cũng cho đặt 4 Tào lệ thuộc là Thượng bảo tào, Kí chú tào, Đồ thư tào, Biểu bạ tào để chuyên trách từng phần công việc, trong đó:

Thượng bảo tào: chuyên trách coi giữ các loại ấn tín, bảo ti, các loại quan phòng, đồ kí, bài ngà của các nha môn, bản pho dụ chỉ, bản thảo chiếu biểu. Ngoài ra, các bản chiếu, chỉ dụ đã được khâm định và các loại chương sớ đã được nhà vua xem duyệt đều giao cho tào đóng dấu bảo, sau đó giao bản pho cho cơ quan đương sự giải quyết, bản chính giao cho Biểu bạ tào tàng trữ.

Kí chú tào: chuyên trách ghi chép các sinh hoạt, ngôn luận của nhà vua cùng các tấu nghị, chương sớ do bách quan tâu trình và nhật kí học tập của các hoàng tử. Ngoài ra, còn có chức trách coi giữ các đồ ngự dụng, sách vở bút nghiên dùng cho Hoàng thượng.

Đồ thư tào: chuyên trách ghi chép các bài ngự chế, thi văn, coi giữ các loại sách của triều đình và các công văn giao thiệp trong nước và nước ngoài.

(10). Cơ quan tiếp nhận các chương sớ, công văn, sổ sách của địa phương gửi về triều đình.

(11). Thời phong kiến, để được tuyển dụng vào cơ quan nhà nước thì sinh cần trải qua ba kì thi: thi Hương, thi Hội, thi Đình. Thi Hương là kì thi được tổ chức ở địa phương. Đỗ thi Hương sẽ được tham dự thi Hội. Thi Hội là kì thi cấp quốc gia tổ chức ở kinh đô. Đỗ thi Hội mới được tham gia thi Đình. Thi Đình là kì thi tổ chức một lần tại triều đình. Vua trực tiếp ra đề và chấm bài. Những người trúng tuyển kì thi Đình được gọi chung là tiến sĩ nhưng có sự phân biệt cao thấp.

(9). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 2, sđd, tr. 953.

Biểu bạ tào: chuyên coi giữ các bản tấu sớ đã được ngự phê (châu bản) và bản phó các biểu chương trong và ngoài nước.⁽¹²⁾

Năm 1836, vua Minh Mệnh đổi tên Đồ thư tào thành Bí thư tào, Kí chú tào thành Thừa vụ tào nhưng chức trách không thay đổi. Năm 1844 vua Thiệu Trị đã cho cải tổ Nội các bằng việc đổi các Tào thành các Sở gồm Thượng bảo sớ, Đồ thư sớ, Ti luân sớ, Bản chương sớ. Các sớ cũng được sắp đặt lại cơ cấu tổ chức và phân chia công việc khoa học, hợp lí hơn.

Về chức danh các nhân viên trong Nội các hầu hết đều lấy biên chế các bộ, viện sung vào làm việc. Các quan đứng đầu 4 tào Nội các là các quan trật Tam, Tứ phẩm và đã giữ một chức vụ trong triều đình, được triều đình bổ dụng, kiêm nhiệm thêm chức vụ trong Nội các. Theo chỉ dụ năm 1830 của Minh Mạng, số nhân viên đầu tiên làm việc trong Nội các là 30 người.

Nội các triều Nguyễn tồn tại hơn 100 năm từ năm 1829 cho đến năm 1933 thì vua Bảo Đại xoá bỏ để thành lập Ngự tiền văn phòng song chức năng không có gì thay đổi. Bên cạnh Nội các - cơ quan giúp việc trực tiếp của nhà vua về công tác công văn giấy tờ, còn có các cơ quan khác cũng đảm nhận chức năng văn phòng như: Hàn lâm viện có nhiệm vụ soạn thảo các văn thư ngoại giao, sắc phong, văn bia và các chiếu, chỉ, cáo quan trọng của nhà nước; Ti thư chính: chuyển đệ công văn, Ti thông chính sớ: tiếp nhận các chương sớ, công văn, sổ sách của địa phương gửi về triều đình; kiểm xét công

văn trước khi giao cho Bưu chính ti chuyển về địa phương; Văn phòng các Bộ: phụ trách việc giữ ấn triện, tiếp nhận chương sớ, công văn các địa phương gửi lên để chuyển giao cho các ti thực hiện, tập trung các chương sớ, phiếu nghị, sổ sách trình lên Hoàng đế phê duyệt. Mỗi loại cơ quan đều được phân định rõ về chức năng, thẩm quyền nhằm đảm bảo cho công tác văn bản được vận hành trôi chảy, nâng cao về chất lượng và hiệu lực thực thi của văn bản.

2.2. Quy trình soạn thảo, ban hành, chuyển giao, giải quyết và lưu trữ văn bản thời Nguyễn

Qua tư liệu lịch sử và các quy định pháp luật có thể thấy nhà nước phong kiến triều Nguyễn rất chú trọng đến công tác soạn thảo, ban hành, chuyển giao, giải quyết và lưu trữ văn bản.

Trong soạn thảo, các loại hình văn bản này đều phải tuân theo thể thức trình bày nhất định, gồm: quốc hiệu (đối với văn bản ngoại giao), tên loại văn bản, chủ thể ban hành, người nhận, tên người soạn thảo, người khảo duyệt, ngày tháng năm ban hành và dấu cơ quan hoặc cá nhân ban hành văn bản. Năm 1838, sau khi quyết định đổi tên nước thành Đại Nam, vua Minh Mạng đã ra sắc chỉ nhấn mạnh: việc ghi Quốc hiệu lên văn bản là vấn đề hệ trọng có liên quan đến quốc thể, từ nay quốc hiệu phải gọi là Đại Nam, mọi văn bản, giấy tờ đều phải ghi như vậy.⁽¹³⁾ Đồng thời, nội dung văn bản phải được trình bày rõ ràng, mạch lạc và văn từ phù hợp với từng loại hình văn bản. Văn bản phải trình bày đúng số dòng, số chữ trong

(12). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 2, sđd, tr. 955.

(13). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 2, sđd, tr. 289.

trang theo quy định, đặc biệt, nhất thiết phải theo lệ kiêng húy. Hoàng Việt luật lệ thời Nguyễn đã đặt ra những quy định nhằm hạn chế những sai sót nhầm lẫn trong nội dung văn bản như:

- Thêm bớt vào văn thư (về tinh tiết và tự dạng) bị đánh 60 trượng. Nếu vì có việc giấu giếm (mà thêm bớt) thì xử tội đồ, lưu (Điều 69);

- Người viết lại chế thư mà lầm lẫn phạt 100 trượng (Điều 322);

- Những quan tâu việc hay dân thư mà nội dung trước sau không thống nhất, nếu là việc nặng thì bị tội đồ hay lưu, việc nhẹ thì bị biếm.

Ngay cả với người đứng đầu nhà nước, khi ban chiếu hay phê duyệt tấu chương cũng cần sự cẩn trọng và tỉ mỉ rất cao. Vua Minh Mạng nói: *"Làm vua thì một lời nói, một việc làm là người dưới xem đấy mà theo. Nếu một mục giàn dụa thì sinh ra nhu nhược, một mục nghiêm khắc thì sinh ra gay gắt, gay gắt lắm thì có hại đến chính trị mà nhu nhược thì cũng không phải là cách làm chính trị, cho nên mỗi lần trẫm giáng chỉ dụ một chữ không dám khinh suất là vì thế"*. Sách Đại Nam thực lục chép về vua Minh Mệnh như sau: *"Vua sáng suốt cẩn thận về chính thể. Những chương sớ trong ngoài tâu lên nhất nhất xem qua, dụ tâu mật cho các nha nghĩ chỉ phê phát, việc quan trọng thì phần nhiều vua tự nghĩ soạn, hoặc thảo ra hoặc châu phê. Có bản phê bắt đầu từ đấy"*.⁽¹⁴⁾

Sau khi soạn thảo, cần kí và đóng dấu vào văn bản. Một số quy định về kí và đóng dấu văn bản thời Nguyễn như sau:

(14). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 3, sđd, tr. 201.

- Văn bản trước khi đưa cho người có trách nhiệm duyệt kí để ban hành thì phải có người kiểm tra lại cẩn thận;

Văn bản tâu trình lên nhà vua ngoài chữ kí của người đứng đầu cơ quan (hoặc cấp phó) thì người thảo văn bản (phụng thảo) và người soát xét lại văn bản (phụng khảo) đều phải ghi tên mình vào văn bản đó. Hai quan này đều phải chịu trách nhiệm liên đới với nhau về nội dung văn bản tâu trình;

- Nghiêm cấm các quan cùng nha môn không được tùy tiện kí thay vào văn bản, nếu vi phạm sẽ bị phạt.⁽¹⁵⁾

Vua Minh Mạng rất coi trọng việc sử dụng con dấu: *"Phàm dùng ấn tín là để phòng ngừa gian dối, ngăn cấm sự thay đổi"*. Ông còn chỉ rõ mục đích, ý nghĩa của con dấu là dùng báo tì của nhà nước là để tỏ lệnh tin, bày lời dạy, rất trọng mà phép rất lớn. Mỗi loại văn bản sẽ có con dấu, quy thức đóng dấu riêng. Con dấu được đóng vào văn bản để thể hiện tính xác tín và hiệu lực pháp lí của văn bản.⁽¹⁶⁾ Nhà nước còn quy định rõ về việc xử phạt đối với việc đóng dấu và quản lí dấu.

Sau khi hoàn thiện văn bản, để việc chuyển giao văn bản được nhanh chóng, an toàn, bí mật, nhà nước đã quy định rõ về phương thức, biện pháp, thời hạn chuyển giao. Theo quy định của nhà Nguyễn, những

(15). Nguyễn Toàn Thắng, "Sơ lược về công tác công văn giấy tờ thời phong kiến Việt Nam", *Nội san trường chính trị Phạm Hùng*, <http://www.tctph.gov.vn/modules.php?name=Noisan&id=30>, truy cập 10/12/2019.

(16). Một số loại ấn thời Nguyễn như: Kim Bảo của Hoàng đế, ấn của phủ Tôn nhân và Hoàng thân, ấn của các cơ quan trung ương và quân đội, ấn của các cơ quan chính quyền địa phương.

người có trách nhiệm chuyển giao văn bản trong đó có mệnh lệnh của nhà vua phải có trách nhiệm bảo vệ, không được tiết lộ ra ngoài cũng như không được làm rơi, làm hỏng hay đánh mất văn bản. Điều 60, Điều 61 Hoàng Việt luật lệ quy định: “*Chế thư và sách của nhà vua, của các nha môn là những mệnh lệnh quan trọng ban xuống cho toàn dân, quan hệ rất lớn tới việc công, nếu để hư, thêm bớt hay có kẻ ăn trộm đều bị trị tội theo pháp luật*”. Quy định về việc tiếp nhận số, chương của Nội các, vua Minh Mạng ra chỉ dụ: “*Từ nay nếu tiếp nhận số, chương đưa đến, trừ ra loại có mật phong và việc có quan hệ đến quân cơ thì nên đem nguyên bản tiến trình không được mở ra*”.⁽¹⁷⁾

Về việc chuyển giao văn bản, năm 1820, vua Minh Mạng đã cho thiết lập Ti bưu chính trực thuộc Bộ binh để phụ trách việc vận chuyển công văn trong toàn quốc. Năm 1834 lại đặt thêm Ti thông chính sứ làm nhiệm vụ tiếp nhận và phân phối công văn của các địa phương gửi về trung ương và kiểm xét văn bản giấy tờ của các cơ quan thuộc triều đình gửi đi các địa phương. Theo quy định của triều Nguyễn, việc chuyển công văn phải tuân thủ theo quy chế khá chặt chẽ. Công văn giấy tờ gửi đi đều phải bỏ vào phong bì dán kín, sau đó buộc lại rồi cho vào một ống bằng tre gọi là ống trạm, dán phong kín miệng ống rồi dùng vải trắng thắt buộc lại; lấy cánh kiến đốt cháy, dán kín và đóng dấu vào chỗ cánh kiến để làm tin. Khi vận chuyển các ống trạm phải được bỏ vào trong túi vải. Đối với công văn mật thì phải đựng hai ống

trạm, một ống ở bên trong và một ống ở bên ngoài.⁽¹⁸⁾ Trong công tác chuyển giao văn bản ở trung ương, nhà Nguyễn quy định rõ từng loại văn thư sẽ do cơ quan nào tiếp nhận và đệ trình. Các văn thư này khi trình lên vua giải quyết, nhà vua sẽ ngự phê lên văn bản để truyền ý chỉ, mệnh lệnh của mình.

Các văn bản quản lí nhà nước sau khi ban hành và giải quyết xong đều được sắp xếp, bảo quản và lưu trữ cẩn thận để phục vụ cho việc tra cứu thông tin hoặc biên soạn chính sử của vương triều. Vua Minh Mạng đặt 4 Tào lệ thuộc vào Nội các là Thượng bảo, Kí chủ, Đồ thư và Biểu bạ để chuyên coi giữ các loại ấn triện, bản thảo, bản pho các dụ, chỉ, chiếu, sắc; ghi chép và lưu giữ các ngự chế thi văn của nhà vua và các bản có bút tích vua phê. Vì vậy, toàn bộ khối Châu bản là những tài liệu văn thư lưu trữ quan trọng của triều đình nhà Nguyễn đã được lưu giữ ở đây cho đến năm 1945. Ngoài thư viện của Nội các, vua Minh Mệnh còn cho thành lập một số thư viện khác như Tàng thư lâu được xây dựng năm Minh Mệnh 6 (1825) trên một hòn đảo nằm giữa hồ Học Hải trong kinh thành Huế để tàng trữ các sách vở của Hoàng triều. Toàn bộ khối Địa bạ quý hiếm đã được cất giữ ở đây cho đến cuối triều Nguyễn. Ngoài Tàng thư lâu, còn có Thư viện Tụ khuê là thư viện lớn chứa rất nhiều sách quý. Đến các đời vua tiếp theo sau Gia Long và Minh Mệnh cũng tiếp tục thành lập các thư viện để lưu trữ sách vở và các văn thư tài liệu khác như: Thư viện Quốc sử quán được thành lập

(17). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 2, sdd, tr. 655.

(18). Vũ Thị Phụng, “Những quy định của nhà Nguyễn về việc bảo mật thông tin trong văn bản”, *Tạp chí văn thư lưu trữ Việt Nam*, số 01/2005, tr. 24.

năm Thiệu Trị I (1841), Tân thư viện thành lập dưới triều vua Duy Tân (1907 - 1916), Thư viện Cổ học thành lập năm 1922 dưới triều vua Khải Định...

Có thể thấy, dưới thời Nguyễn, nhận thức được tầm quan trọng của các văn bản pháp luật, các triều đại đã đặt ra hệ thống quy định, quy trình từ khâu soạn thảo các loại văn bản đến nội dung, thẩm quyền ban hành; từ việc chuyển giao, giải quyết đến quản lí và sử dụng con dấu; tổ chức lưu trữ văn bản cho đến việc đào tạo và tuyển dụng cán bộ làm công tác công văn, giấy tờ. Đó là quy trình tương đối chặt chẽ và khoa học nhằm mục đích nâng cao chất lượng và hiệu quả của các văn bản pháp luật. Với sự chú trọng của nhà Nguyễn đối với công tác biên soạn, bảo quản, lưu trữ tư liệu, một bộ phận lớn các văn bản quản lí nhà nước, sổ sách hành chính bao gồm: trên 800 tập châu bản, 11 nghìn cuốn địa bạ, trên 31 nghìn tấm mộc bản⁽¹⁹⁾ và nhiều thư tịch quý hiếm khác đã được lưu giữ cho đến nay. Sự quan tâm đúng mức đến công tác ban hành văn bản quản lí đã góp phần xây dựng một nền hành chính vững mạnh, đảm bảo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quản lí đất nước, là cơ sở mang lại nhiều thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực của nhà Nguyễn từ năm 1802 đến 1884.

3. Một số bài học kinh nghiệm

Công tác xây dựng và ban hành văn bản pháp luật thời Nguyễn đã để lại nhiều giá trị có thể kế thừa cho Việt Nam hiện nay, cụ thể:

Thứ nhất, chú trọng yếu tố con người trong quá trình biên soạn các văn bản pháp luật. Đây được coi là nhân tố quan trọng

hàng đầu bởi quy trình dù có khoa học có chặt chẽ đến mấy mà không có người dù tài năng thực hiện thì cũng không thể đem lại hiệu quả và thành công. Đối với Nội các, cơ quan văn phòng giúp việc trực tiếp cho nhà vua và là bộ phận đặc biệt trọng yếu trong hệ thống các cơ quan hành chính của triều Nguyễn. Vua Minh Mạng đã lựa dụng những viên quan không chỉ có năng lực tốt mà còn có nhiều kinh nghiệm thực tiễn từ các Bộ, Viện kiêm nhiệm. Đứng đầu Nội các là 4 viên quan trong đó 2 viên trật Tam phẩm do Thị lang các bộ hoặc Chương viện học sĩ Viện hàn lâm kiêm nhiệm làm Thượng bảo khanh; hai viên trật Tứ phẩm lấy Thị độc học sĩ Viện hàn lâm kiêm nhiệm làm Thượng bảo thiếu khanh. Các thuộc viên gồm: Thị độc, Tu tuyền, Kiểm thảo, Đãi chiếu, Thừa chỉ, Biên tu, Điền bạ đều là người của Hàn lâm viện sung làm Hành tấu để giúp việc ở Nội các. Những chức danh, chức vụ này đều là những người đứng đầu trong các kì thi tuyển nghiêm ngặt của nhà nước.⁽²⁰⁾ Ở các kì

(20). Năm 1822, vua Minh Mệnh quy định, trong các kì thi Hội, người nào đỗ Hoàng giáp sẽ trao chức Hàn lâm viện Tu soạn, đỗ Tiến sĩ trao cho chức Hàn lâm viện Biên tu. Năm 1829, nếu ai đỗ Phó bảng thì chức quan đầu tiên được trao là Hàn lâm viện Kiểm thảo. Năm 1843, vua Thiệu Trị cho người nào đỗ Thám hoa được trao chức Hàn lâm viện Trước tác. Khi vua Tự Đức trị vì đã có quy định đầy đủ hơn: Ai đỗ cử nhân thì được bổ chức Hàn lâm viện Điền bạ, ai đỗ phó bảng bổ nhiệm làm Hàn lâm viện Kiểm thảo, ai đỗ tiến sĩ được bổ làm Hàn lâm viện Biên tu, đỗ hoàng giáp được bổ Hàn lâm viện Tu soạn, đỗ thám hoa được bổ Hàn lâm viện Trước tác, đỗ bảng nhãn bổ Hàn lâm viện Thừa chỉ và đỗ Trạng nguyên được bổ làm Hàn lâm viện Thị độc.

(Trích: Lê Quang Chấn, "Tổ chức và hoạt động của Hàn lâm viện trong lịch sử", *Tạp chí khoa học xã hội Việt Nam*, số 3/2013, tr. 74 - 87.

(19). Nguyễn Toàn Thắng, lldd.

thi đó, kĩ năng soạn thảo văn bản là nội dung quan trọng để tuyển lựa nhân tài (thi Hương, thi Hội gồm 4 trường thi: trường nhất thi kinh nghĩa; trường nhì thi chiếu chế biểu; trường ba thi thơ phú; trường tư thi văn sách). Như vậy, thí sinh cần phải có rất nhiều kiến thức cũng như kĩ năng: hiểu biết kiến thức Nho giáo, văn chương trong sách do các Hiền nhân viết; kĩ năng viết lách, lập luận như viết mệnh lệnh hay viết sớ tâu lên vua; kĩ năng hoạch định và giải quyết các vấn đề chiến lược của quốc gia bằng cách đưa ra được mưu lược trị dân, tề gia, trị quốc. Sau khi thi đỗ, các tiến sĩ sẽ được thử thách trong thời gian từ 2 đến 8 năm, làm tri phủ ở các địa phương hay viên chức bậc trung tại các bộ rồi mới được sung vào Nội các. Ví dụ như trường hợp của Hà Tông Quyền đỗ tiến sĩ năm 1822 (lúc 24 tuổi), được cử đi làm tri phủ Tân Bình, tham hiệp Quảng Trị trước khi rút về làm việc tại các bộ và sau đó là Nội các.

Những viên quan ở Nội các dù được tuyển lựa rất kĩ càng song sau một thời gian làm việc nếu không đảm đương được công việc sẽ bị thải loại. Đại Nam thực lục chép, năm 1830, vua Minh Mạng sai Nội các xét phân biệt các ti thuộc, ai siêng, ai lười tâu lên. Vua dụ Hà Quyền và Trương Đăng Quế rằng: Nội các là chỗ cơ quan trọng yếu. Bọn khanh nên xét kĩ các thuộc hạ, ai giỏi thì cho tiến lên, ai kém thì cho lui, đừng có thiên tư, để cho người bậy được cầu may mà dung thân, không ích gì cho công việc.⁽²¹⁾ Do đó bọn Quyền làm sớ cử những

người cần cần nên thăng là bọn Trương Văn Uyên, Trần Ngọc Giao, Nguyễn Đức Hoạt, Lâm Duy Nghĩa hơn mười người. Tôn Thất Du và Nguyễn Duy Trường học thức tầm thường thì xin bỏ ra ngoài. Vua đều nghe theo.⁽²²⁾

Với những văn bản pháp luật quan trọng đến chính sự của quốc gia, nhà nước càng cần sử dụng những người tài giỏi. Việc biên soạn bộ Hoàng Việt luật lệ thời Nguyễn được giao cho những quan chức đầy tài năng và nhiệt huyết. Đại Nam thực lục chép: Năm 1811, vua Gia Long giao cho tổng tài Nguyễn Văn Thành, Vũ Trinh và Trần Hựu Đông các đại học sĩ soạn định luật lệ. Nhận xét về tổng tài Nguyễn Văn Thành, sách Đại Nam Liệt Truyện còn ghi: "... Thành có văn võ tài lược, làm trận dụng binh mưu lược rồi mới đánh cho nên ít khi thua, lúc đầu trung hưng, công ấy tốt lắm. Đến khi Bắc hà đã định, một mình đương công việc Tổng trấn không động đến lời nói nét mặt mà trộm giặc đều yên, bày mưu chốn miếu đường, bày tâu sự nghị đều được thi hành, có thể gọi là người có mưu giỏi trị nước..." Còn Vũ Trinh và Trần Hựu đều xuất thân từ dòng dõi khoa bảng, đều đỗ đạt cao trong các kì thi, có nhiều kinh nghiệm chốn quan trường nên được tin tưởng giao phó nhiệm vụ cùng Nguyễn Văn Thành.

Bài học về việc lựa dụng những cá nhân có đủ năng lực, trí tuệ và đạo đức trong quá trình soạn thảo văn bản vẫn còn nguyên giá trị đối với hiện nay.

(21). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 2, sdd, tr. 125.

(22). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 3, sdd, tr. 75.

năm Thiệu Trị 1 (1841), Tân thư viện thành lập dưới triều vua Duy Tân (1907 - 1916), Thư viện Cổ học thành lập năm 1922 dưới triều vua Khải Định...

Có thể thấy, dưới thời Nguyễn, nhận thức được tầm quan trọng của các văn bản pháp luật, các triều đại đã đặt ra hệ thống quy định, quy trình từ khâu soạn thảo các loại văn bản đến nội dung, thẩm quyền ban hành; từ việc chuyển giao, giải quyết đến quản lý và sử dụng con dấu; tổ chức lưu trữ văn bản cho đến việc đào tạo và tuyển dụng cán bộ làm công tác công văn, giấy tờ. Đó là quy trình tương đối chặt chẽ và khoa học nhằm mục đích nâng cao chất lượng và hiệu quả của các văn bản pháp luật. Với sự chú trọng của nhà Nguyễn đối với công tác biên soạn, bảo quản, lưu trữ tư liệu, một bộ phận lớn các văn bản quản lý nhà nước, sổ sách hành chính bao gồm: trên 800 tập châu bản, 11 nghìn cuốn địa bạ, trên 31 nghìn tấm mộc bản⁽¹⁹⁾ và nhiều thư tịch quý hiếm khác đã được lưu giữ cho đến nay. Sự quan tâm đúng mức đến công tác ban hành văn bản quản lý đã góp phần xây dựng một nền hành chính vững mạnh, đảm bảo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quản lý đất nước, là cơ sở mang lại nhiều thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực của nhà Nguyễn từ năm 1802 đến 1884.

3. Một số bài học kinh nghiệm

Công tác xây dựng và ban hành văn bản pháp luật thời Nguyễn đã để lại nhiều giá trị có thể kế thừa cho Việt Nam hiện nay, cụ thể:

Thứ nhất, chú trọng yếu tố con người trong quá trình biên soạn các văn bản pháp luật. Đây được coi là nhân tố quan trọng

hàng đầu bởi quy trình dù có khoa học có chặt chẽ đến mấy mà không có người đủ tài năng thực hiện thì cũng không thể đem lại hiệu quả và thành công. Đối với Nội các, cơ quan văn phòng giúp việc trực tiếp cho nhà vua và là bộ phận đặc biệt trọng yếu trong hệ thống các cơ quan hành chính của triều Nguyễn. Vua Minh Mạng đã lựa dụng những viên quan không chỉ có năng lực tốt mà còn có nhiều kinh nghiệm thực tiễn từ các Bộ, Viện kiêm nhiệm. Đứng đầu Nội các là 4 viên quan trong đó 2 viên trật Tam phẩm do Thị lang các bộ hoặc Chương viện học sĩ Viện hàn lâm kiêm nhiệm làm Thượng bảo khanh; hai viên trật Tứ phẩm lấy Thị độc học sĩ Viện hàn lâm kiêm nhiệm làm Thượng bảo thiếu khanh. Các thuộc viên gồm: Thị độc, Tu tuyền, Kiểm thảo, Đãi chiếu, Thừa chi, Biên tu, Điền bạ đều là người của Hàn lâm viện sung làm Hành tâu để giúp việc ở Nội các. Những chức danh, chức vụ này đều là những người đứng đầu trong các kì thi tuyển nghiêm ngặt của nhà nước.⁽²⁰⁾ Ở các kì

(20). Năm 1822, vua Minh Mệnh quy định, trong các kì thi Hội, người nào đỗ Hoàng giáp sẽ trao chức Hàn lâm viện Tu soạn, đỗ Tiến sĩ trao cho chức Hàn lâm viện Biên tu. Năm 1829, nếu ai đỗ Phó bảng thì chức quan đầu tiên được trao là Hàn lâm viện Kiểm thảo. Năm 1843, vua Thiệu Trị cho người nào đỗ Thám hoa được trao chức Hàn lâm viện Trước tác. Khi vua Tự Đức trị vì đã có quy định đầy đủ hơn: Ai đỗ cử nhân thì được bổ chức Hàn lâm viện Điền bạ, ai đỗ phó bảng bổ nhiệm làm Hàn lâm viện Kiểm thảo, ai đỗ tiến sĩ được bổ làm Hàn lâm viện Biên tu, đỗ hoàng giáp được bổ Hàn lâm viện Tu soạn, đỗ thám hoa được bổ Hàn lâm viện Trước tác, đỗ bảng nhãn bổ Hàn lâm viện Thừa chi và đỗ Trạng nguyên được bổ làm Hàn lâm viện Thị độc.

(Trích: Lê Quang Chấn, "Tổ chức và hoạt động của Hàn lâm viện trong lịch sử", *Tạp chí khoa học xã hội Việt Nam*, số 3/2013, tr. 74 - 87.

(19). Nguyễn Toàn Thắng, t.lđd.

thi đó, kĩ năng soạn thảo văn bản là nội dung quan trọng để tuyển lựa nhân tài (thi Hương, thi Hội gồm 4 trường thi: trường nhất thi kinh nghĩa; trường nhì thi chiếu chế biểu; trường ba thi thơ phú; trường tư thi văn sách). Như vậy, thí sinh cần phải có rất nhiều kiến thức cũng như kĩ năng: hiểu biết kiến thức Nho giáo, văn chương trong sách do các Hiền nhân viết; kĩ năng viết lách, lập luận như viết mệnh lệnh hay viết sớ tâu lên vua; kĩ năng hoạch định và giải quyết các vấn đề chiến lược của quốc gia bằng cách đưa ra được mưu lược trị dân, tề gia, trị quốc. Sau khi thi đỗ, các tiến sĩ sẽ được thử thách trong thời gian từ 2 đến 8 năm, làm tri phủ ở các địa phương hay viên chức bậc trung tại các bộ rồi mới được sung vào Nội các. Ví dụ như trường hợp của Hà Tông Quyền đỗ tiến sĩ năm 1822 (lúc 24 tuổi), được cử đi làm tri phủ Tân Bình, tham hiệp Quảng Trị trước khi rút về làm việc tại các bộ và sau đó là Nội các.

Những viên quan ở Nội các dù được tuyển lựa rất kĩ càng song sau một thời gian làm việc nếu không đảm đương được công việc sẽ bị thải loại. Đại Nam thực lục chép, năm 1830, vua Minh Mạng sai Nội các xét phân biệt các ti thuộc, ai siêng, ai lười tâu lên. Vua dụ Hà Quyền và Trương Đăng Quế rằng: Nội các là chỗ cơ quan trọng yếu. Bọn khanh nên xét kĩ các thuộc hạ, ai giỏi thì cho tiến lên, ai kém thì cho lui, đừng có thiên tư, để cho người bậy được cầu may mà dung thân, không ích gì cho công việc.⁽²¹⁾ Do đó bọn Quyền làm sớ cử những

người cần cần nên thăng là bọn Trương Văn Uyển, Trần Ngọc Giao, Nguyễn Đức Hoạt, Lâm Duy Nghĩa hơn mười người. Tôn Thất Du và Nguyễn Duy Trường học thức tầm thường thì xin bỏ ra ngoài. Vua đều nghe theo.⁽²²⁾

Với những văn bản pháp luật quan trọng đến chính sự của quốc gia, nhà nước càng cần sử dụng những người tài giỏi. Việc biên soạn bộ Hoàng Việt luật lệ thời Nguyễn được giao cho những quan chức đầy tài năng và nhiệt huyết. Đại Nam thực lục chép: Năm 1811, vua Gia Long giao cho tổng tài Nguyễn Văn Thành, Vũ Trinh và Trần Hựu Đông các đại học sĩ soạn định luật lệ. Nhận xét về tổng tài Nguyễn Văn Thành, sách Đại Nam Liệt Truyện còn ghi: "... Thành có văn võ tài lược, làm trận dụng binh mưu lược rồi mới đánh cho nên ít khi thua, lúc đầu trung hưng, công ấy tốt lắm. Đến khi Bắc hà đã định, một mình đương công việc Tổng trấn không động đến lời nói nét mặt mà trộm giặc đều yên, bày mưu chôn miếu đường, bày tâu sự nghị đều được thi hành, có thể gọi là người có mưu giỏi trị nước...". Còn Vũ Trinh và Trần Hựu đều xuất thân từ dòng dõi khoa bảng, đều đỗ đạt cao trong các kì thi, có nhiều kinh nghiệm chôn quan trường nên được tin tưởng giao phó nhiệm vụ cùng Nguyễn Văn Thành.

Bài học về việc lựa dụng những cá nhân có đủ năng lực, trí tuệ và đạo đức trong quá trình soạn thảo văn bản vẫn còn nguyên giá trị đối với hiện nay.

(21). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 2, sđd, tr. 125.

(22). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 3, sđd, tr. 75.

năm Thiệu Trị 1 (1841), Tân thư viện thánh lập dưới triều vua Duy Tân (1907 - 1916), Thư viện Cổ học thành lập năm 1922 dưới triều vua Khải Định...

Có thể thấy, dưới thời Nguyễn, nhận thức được tầm quan trọng của các văn bản pháp luật, các triều đại đã đặt ra hệ thống quy định, quy trình từ khâu soạn thảo các loại văn bản đến nội dung, thẩm quyền ban hành; từ việc chuyển giao, giải quyết đến quản lí và sử dụng con dấu; tổ chức lưu trữ văn bản cho đến việc đào tạo và tuyển dụng cán bộ làm công tác công văn, giấy tờ. Đó là quy trình tương đối chặt chẽ và khoa học nhằm mục đích nâng cao chất lượng và hiệu quả của các văn bản pháp luật. Với sự chú trọng của nhà Nguyễn đối với công tác biên soạn, bảo quản, lưu trữ tư liệu, một bộ phận lớn các văn bản quản lí nhà nước, sổ sách hành chính bao gồm: trên 800 tập châu bản, 11 nghìn cuốn địa bạ, trên 31 nghìn tấm mộc bản⁽¹⁹⁾ và nhiều thư tịch quý hiếm khác đã được lưu giữ cho đến nay. Sự quan tâm đúng mức đến công tác ban hành văn bản quản lí đã góp phần xây dựng một nền hành chính vững mạnh, đảm bảo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quản lí đất nước, là cơ sở mang lại nhiều thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực của nhà Nguyễn từ năm 1802 đến 1884.

3. Một số bài học kinh nghiệm

Công tác xây dựng và ban hành văn bản pháp luật thời Nguyễn đã để lại nhiều giá trị có thể kế thừa cho Việt Nam hiện nay, cụ thể:

Thứ nhất, chú trọng yếu tố con người trong quá trình biên soạn các văn bản pháp luật. Đây được coi là nhân tố quan trọng

hàng đầu bởi quy trình dù có khoa học có chặt chẽ đến mấy mà không có người đủ tài năng thực hiện thì cũng không thể đem lại hiệu quả và thành công. Đối với Nội các, cơ quan văn phòng giúp việc trực tiếp cho nhà vua và là bộ phận đặc biệt trọng yếu trong hệ thống các cơ quan hành chính của triều Nguyễn. Vua Minh Mạng đã lựa dụng những viên quan không chỉ có năng lực tốt mà còn có nhiều kinh nghiệm thực tiễn từ các Bộ, Viện kiêm nhiệm. Đứng đầu Nội các là 4 viên quan trong đó 2 viên trật Tam phẩm do Thị lang các bộ hoặc Chương viện học sĩ Viện hàn lâm kiêm nhiệm làm Thượng bảo khanh; hai viên trật Tứ phẩm lấy Thị độc học sĩ Viện hàn lâm kiêm nhiệm làm Thượng bảo thiếu khanh. Các thuộc viên gồm: Thị độc, Tu tuyên, Kiểm thảo, Đãi chiếu, Thừa chi, Biên tu, Điền bạ đều là người của Hàn lâm viện sung làm Hành tâu để giúp việc ở Nội các. Những chức danh, chức vụ này đều là những người đứng đầu trong các kì thi tuyển nghiêm ngặt của nhà nước.⁽²⁰⁾ Ở các kì

(20) Năm 1822, vua Minh Mệnh quy định, trong các kì thi Hội, người nào đỗ Hoàng giáp sẽ trao chức Hàn lâm viện Tu soạn, đỗ Tiến sĩ trao cho chức Hàn lâm viện Biên tu. Năm 1829, nếu ai đỗ Phó bảng thì chức quan đầu tiên được trao là Hàn lâm viện Kiểm thảo. Năm 1843, vua Thiệu Trị cho người nào đỗ Thám hoa được trao chức Hàn lâm viện Trước tác. Khi vua Tự Đức trị vì đã có quy định đầy đủ hơn: Ai đỗ cử nhân thì được bổ chức Hàn lâm viện Điền bạ, ai đỗ phó bảng bổ nhiệm làm Hàn lâm viện Kiểm thảo, ai đỗ tiến sĩ được bổ làm Hàn lâm viện Biên tu, đỗ hoàng giáp được bổ Hàn lâm viện Tu soạn, đỗ thám hoa được bổ Hàn lâm viện Trước tác, đỗ bảng nhãn bổ Hàn lâm viện Thừa chỉ và đỗ Trạng nguyên được bổ làm Hàn lâm viện Thị độc.

(Trích: Lê Quang Chấn, "Tổ chức và hoạt động của Hàn lâm viện trong lịch sử", *Tạp chí khoa học xã hội Việt Nam*, số 3/2013, tr. 74 - 87.

(19) Nguyễn Toàn Thắng, tldd.

thi đó, kỹ năng soạn thảo văn bản là nội dung quan trọng để tuyển lựa nhân tài (thi Hương, thi Hội gồm 4 trường thi: trường nhất thi kinh nghĩa; trường nhì thi chiếu chế biểu; trường ba thi thơ phú; trường tư thi văn sách). Như vậy, thí sinh cần phải có rất nhiều kiến thức cũng như kỹ năng: hiểu biết kiến thức Nho giáo, văn chương trong sách do các Hiền nhân viết; kỹ năng viết lách, lập luận như viết mệnh lệnh hay viết sớ tâu lên vua; kỹ năng hoạch định và giải quyết các vấn đề chiến lược của quốc gia bằng cách đưa ra được mưu lược trị dân, tề gia, trị quốc. Sau khi thi đỗ, các tiến sĩ sẽ được thử thách trong thời gian từ 2 đến 8 năm, làm tri phủ ở các địa phương hay viên chức bậc trung tại các bộ rồi mới được sung vào Nội các. Ví dụ như trường hợp của Hà Tông Quyền đỗ tiến sĩ năm 1822 (lúc 24 tuổi), được cử đi làm tri phủ Tân Bình, tham hiệp Quảng Trị trước khi rút về làm việc tại các bộ và sau đó là Nội các.

Những viên quan ở Nội các dù được tuyển lựa rất kỹ càng song sau một thời gian làm việc nếu không đảm đương được công việc sẽ bị thải loại. Đại Nam thực lục chép, năm 1830, vua Minh Mạng sai Nội các xét phân biệt các ti thuộc, ai siêng, ai lười tâu lên. Vua dụ Hà Quyền và Trương Đăng Quế rằng: Nội các là chỗ cơ quan trọng yếu. Bọn khanh nên xét kỹ các thuộc hạ, ai giỏi thì cho tiến lên, ai kém thì cho lui, đừng có thiên tư, để cho người bậy được cầu may mà dung thân, không ích gì cho công việc.⁽²¹⁾ Do đó bọn Quyền làm sớ cử những

người cần cần nên thăng là bọn Trương Văn Uyển, Trần Ngọc Giao, Nguyễn Đức Hoạt, Lâm Duy Nghĩa hơn mười người. Tôn Thất Du và Nguyễn Duy Trường học thức tầm thường thì xin bỏ ra ngoài. Vua đều nghe theo.⁽²²⁾

Với những văn bản pháp luật quan trọng đến chính sự của quốc gia, nhà nước càng cần sử dụng những người tài giỏi. Việc biên soạn bộ Hoàng Việt luật lệ thời Nguyễn được giao cho những quan chức đầy tài năng và nhiệt huyết. Đại Nam thực lục chép: Năm 1811, vua Gia Long giao cho tổng tài Nguyễn Văn Thành, Vũ Trinh và Trần Hựu Đông các đại học sĩ soạn định luật lệ. Nhận xét về tổng tài Nguyễn Văn Thành, sách Đại Nam Liệt Truyện còn ghi: "... Thành có văn võ tài lược, làm trận dụng binh mưu lược rồi mới đánh cho nên ít khi thua, lúc đầu trung hưng, công ấy tốt lắm. Đến khi Bắc hà đã định, một mình đương công việc Tổng trấn không động đến lời nói nét mặt mà trộm giặc đều yên, bày mưu chôn miếu đường, bày tâu sớ nghị đều được thi hành, có thể gọi là người có mưu giỏi trị nước...". Còn Vũ Trinh và Trần Hựu đều xuất thân từ dòng dõi khoa bảng, đều đỗ đạt cao trong các kì thi, có nhiều kinh nghiệm chôn quan trường nên được tin tưởng giao phó nhiệm vụ cùng Nguyễn Văn Thành.

Bài học về việc lựa dụng những cá nhân có đủ năng lực, trí tuệ và đạo đức trong quá trình soạn thảo văn bản vẫn còn nguyên giá trị đối với hiện nay.

(21). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 2, sđd, tr. 125.

(22). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 3, sđd, tr. 75.

Thứ hai, quy định rõ chức năng, thẩm quyền của từng cá nhân trong từng khâu của văn bản để quy trách nhiệm và xử lý vi phạm. Đây là vấn đề vẫn chưa được quy định chặt chẽ và tuân thủ trong pháp luật Việt Nam hiện nay.

Hiện nay, Điều 7 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 có quy định về “trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật”; trong đó khoản 8 nêu: “Người đứng đầu cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo, cơ quan thẩm định, cơ quan trình, cơ quan thẩm tra và cơ quan ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phải chịu trách nhiệm về việc không hoàn thành nhiệm vụ và tùy theo mức độ mà bị xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và quy định khác của pháp luật có liên quan trong trường hợp dự thảo văn bản không bảo đảm về chất lượng, chậm tiến độ, không bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật được phân công thực hiện”. Tuy nhiên, quy định này còn mang tính chung chung, chưa thể hiện được trách nhiệm cụ thể của các cơ quan, cá nhân có liên quan trong trường hợp xảy ra sai sót trong việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Thời Nguyễn, đối với từng khâu trong quá trình soạn thảo và ban hành văn bản, pháp luật đều nêu lên những hành vi vi phạm cụ thể và biện pháp chế tài tương ứng với mỗi hành vi, trách nhiệm của các cá nhân cũng được chỉ rõ nên việc xử lý các hành vi sai sót được áp dụng tương đối thuận tiện, dễ

dàng. Có thể nêu ví dụ về các trường hợp xử phạt liên quan đến việc đóng dấu văn bản.

- Xử phạt nghiêm những trường hợp đóng sót hoặc không đóng dấu. Nếu xảy ra sai sót thì cả người trực tiếp làm công tác văn thư và người quản lý công việc này đều bị phạt. Vua Minh Mạng quy định: “*Phàm các nha môn làm giấy tờ gửi đi nơi khác mà đóng dấu ấn sót một chỗ cần phải đóng thì lại điếm, quan thủ lĩnh soát lại và người phát đi đều phải phạt 60 trượng. Nếu không đóng ấn thì phạt 80 trượng. Nếu giấy tờ nào đóng sót hoặc không đóng ấn khiến cho việc điều bát bình mã, cung cấp quân nhu, tiền lương cho nơi biên giới bị trở ngại thì đều bị phạt 100 trượng*”.

- Nghiêm cấm việc sử dụng dấu sai nguyên tắc như dùng ấn công đóng vào văn bản riêng. Vua Minh Mạng ra chỉ dụ: Phàm các quan viên lớn nhỏ ở các doanh, trấn có viên nào đem ấn công đóng vào thư riêng thì chiếu luật vì chế tội. Nếu có sự mưu cầu gi ở trong ấy thì tùy theo mức nặng nhẹ mà luận tội. Đến thời vua Thiệu Trị lại quy định thêm: “*Ai đã được cấp riêng dấu quan phòng thì trong tập tỵ tâu bày mới được đem dấu quan phòng cấp riêng, thì cho phép ký tên đề lên, không được lấy ấn công của bản nha dùng vào tập tỵ tâu bày của mình*”. Vua Minh Mạng còn quy định, nếu nội dung văn bản không phải là việc công mà quan phụ trách bắt phải đóng dấu thì nhân viên của phòng dấu được phép làm văn bản báo cáo lên cấp trên. Nếu nhân viên phòng dấu vị nể mà che giấu, khi sự việc bị phát giác thì quan phụ trách đó sẽ bị kết tội là thù phạm, nhân viên phòng đóng dấu bị quy là tông phạm.

Nếu không có xác nhận của thủ trưởng cơ quan mà nhân viên phòng đóng dấu đóng dấu trộm sẽ bị xử tội nặng.⁽²³⁾

Không chỉ quy định trên giấy tờ, nhà Nguyễn đã xử phạt nhiều vụ việc trên thực tế với chế tài khá nghiêm minh. Đại Nam thực lục ghi: Thụ Đô thống chế hậu dinh là Bùi Văn Thái ra làm quan ở trấn, khi đóng dấu công văn gửi về triều đình vẫn dùng ấn cũ. Vua Minh Mạng xem thấy lạ hỏi: “Thái còn giữ tạm ấn cũ?”. Vua triệu Tham tri bộ lại là Lê Đồng Lý vào trách tội, bắt cùm lại. Sau phạt Lý giáng làm Thái thường tự khanh, tham lí công việc ở bộ lễ. Thượng thư Trịnh Hoài Đức, cùng Hoàng Quỳnh, Lê Vạn Công ở văn thư phòng đều bị quở trách. Vua dụ bộ lại rằng: “*Quan văn võ trong ngoài có chức giữ việc quan trọng thì lệ có cấp ấn quan phòng là để tỏ sự tin, phòng gian dối và trọng danh vị. Từ nay về sau có ai được cất bỏ, dâng cấp ấn quan phòng, thì để thỉnh trước để đức án, đến ngày ban chiếu sắc thì cấp cả một thể. Nếu viên quan nào được chọn bổ chức khác, cùng với chức cũ không có liên quan, thì nộp ấn ấy ở bộ, đưa sang văn thư phòng thu giữ*”. Năm Minh Mệnh 20 (1839) chi vi giấy niêm vàng phiếu nghĩ bộ Binh chưa được Châu điếm mà bộ, ti không xem xét kỹ đã vội chuyển cho Nội các đóng ấn Kim Bảo. Lỗi bị phát hiện, lập tức chức Đãi chiếu ở Nội các và các viên Tư vụ thư lại ở bộ Binh đều bị phạt 100 trượng và bãi chức Viên nội các trực cùng khoa đạo thời điếm đó bị giáng một cấp, Đường quan bộ Binh chính tay phê phạt và trực thân Nội các đều bị giáng 3 cấp.

Ở nước ta hiện nay, việc áp dụng xử phạt với những hành vi sai sót trong quá trình soạn thảo và ban hành văn bản trên thực tế đã có nhưng tính răn đe chưa cao vì vậy việc nâng cao tính trách nhiệm của các cá nhân trong hoạt động xây dựng văn bản pháp luật bị hạn chế phần nào.

Thứ ba, chú trọng công tác nghiên cứu, biên soạn, in ấn và ban hành bộ luật.

Bộ Hoàng Việt luật lệ - văn bản pháp luật được xem là luật gốc, quan trọng nhất của triều đại được vua Gia Long đặc biệt xem trọng. Nhà vua luôn quan tâm, sát sao chỉ đạo từ công tác nghiên cứu, biên soạn, in ấn đến ban hành bộ luật. Ngay từ buổi đầu, trong bối cảnh đất nước vừa thống nhất, sự khác biệt giữa các miền còn tương đối rõ rệt, trước yêu cầu soạn thảo bộ luật vừa dung hoà được các yếu tố khác biệt vừa đáp ứng được nhiệm vụ quản lí trên lãnh thổ rộng lớn, góp phần thực hiện thành công cả hai nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ tổ quốc, vua Gia Long đã xác định nguyên tắc cụ thể, thống nhất, khoa học để tạo nên bộ luật có thể áp dụng chung trong cả nước. Đại Nam thực lục chép: “*Năm 1811, (vua) sai đình thần soạn định luật lệ, dụ rằng: Các bậc đế vương trị nước, hình pháp đặt ra đã lâu. Hình pháp không đúng thì dân không chỗ mà nắm. Nay luật lệ chưa định, pháp ti không theo vào đâu được, thực không phải ý “Khám tuất minh doãn” (kính cẩn, thương xót, sáng suốt, tin dùng) của trẫm. Bọn khanh nên hết lòng khảo xét những pháp lệnh điển lệ của vương triều, tham hợp với điều luật đời Hồng Đức và nước Đại Thanh, lấy bỏ cân nhắc mà làm thành sách. Trẫm sẽ tự sửa chữa cho*

(23). Nguyễn Toàn Thắng, lidd.

đúng để ban hành".⁽²⁴⁾ Qua ghi chép trong Đại Nam thực lục cho thấy, nguyên tắc cơ bản xuyên suốt trong quá trình xây dựng bộ luật là: tiếp thu các tinh hoa, giá trị pháp lý tiến bộ từ bên ngoài nhưng trên tinh thần chọn lọc, sáng tạo cho phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội, đặc điểm lịch sử của dân tộc, đồng thời kế thừa những thành tựu lập pháp đã có từ những vương triều trước.

Quá trình biên soạn bộ Hoàng Việt luật lệ được ghi chép một cách tỉ mỉ trong Đại Nam thực lục. Ngay từ giữa năm 1805, vua Gia Long đã yêu cầu các triều thần bàn định việc xây dựng bộ luật của vương triều. Đến năm 1811, vua Gia Long giao cho tổng tài Nguyễn Văn Thành, Vũ Trinh và Trần Hựu soạn định luật lệ. Năm 1812, bộ luật được biên soạn xong. Đến năm 1815, Vua ban chiếu thi hành bộ luật, thống nhất áp dụng trong cả nước từ đầu năm 1818,⁽²⁵⁾ có hiệu lực đến năm 1949 mới hoàn toàn bị bãi bỏ.⁽²⁶⁾ Có thể thấy, việc nghiên cứu, biên soạn, in ấn, ban hành bộ luật này là quá trình làm việc nghiêm túc, chặt chẽ với khoảng thời gian trên 10 năm và văn bản có giá trị hiệu lực hơn 30 năm.

Nhiều ý kiến cho rằng, bộ Hoàng Việt luật lệ về nội dung và hình thức sao chép nguyên vẹn luật nhà Thanh của Trung Quốc nhưng đây là đánh giá chưa thực sự khách quan. Bộ luật này cũng có những khác biệt so

với luật Trung Quốc và hàm chứa nhiều giá trị tiến bộ. Thay đổi lớn nhất, quan trọng nhất của bộ "Hoàng Việt luật lệ" là những nhà biên soạn luật của triều Nguyễn đã lược bỏ đi vài chục điều luật và hàng nghìn điều lệ, rồi thêm vào bộ luật của triều đại mình hai điều luật và gần năm chục điều lệ mới. Điều này ít nhiều cho thấy nỗ lực của những nhà soạn luật khi có sự tham khảo một bộ luật của một vương triều khác, ở một quốc gia khác, tạo ra một bộ luật hoàn chỉnh áp dụng vào xã hội Việt Nam.⁽²⁷⁾ Bộ luật thể hiện tính xã hội, tính nhân văn và nhân đạo sâu sắc như:

- Bảo vệ quyền lợi của người già, cô quả, tàn tật và trẻ em: Người già, cô quả, tàn tật và trẻ em khi phạm tội đều được hưởng ưu đãi của pháp luật, cho phép được nộp tiền chuộc để giảm nhẹ hình phạt khi thi hành hoặc miễn thi hành hình phạt.

- Bảo vệ dân thường: Những người dân thường có hoàn cảnh khó khăn (nghèo khó, bệnh tật...) đều được pháp luật bảo vệ, các quan lại và người dân ở địa phương thiếu trách nhiệm biết mà không trình báo lên trên đều bị trừng trị nghiêm khắc. Pháp luật cũng bảo vệ những người dân thường và tầng lớp dưới (như nô tì)... chống lại sự ức hiếp, sách nhiễu của cường hào, quan lại.

- Đặc biệt, người phụ nữ trong xã hội đã được dành vị trí nhất định trong bộ luật. Về nghĩa vụ, người phụ nữ phạm tội phải chịu sự trừng phạt theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, khi thực thi hình phạt, phụ nữ có thể nộp tiền chuộc để giảm nhẹ mức hình

(24). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, sđd, tr. 905.

(25). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, sđd, tr. 906.

(26). Nguyễn Q. Thắng, *Lược khảo Hoàng Việt luật lệ (Tìm hiểu luật Gia Long)*, Nxb. Văn hoá thông tin, Hà Nội, 2002, tr. 10 - 11.

(27). Nguyễn Thị Thu Thủy, Về mối quan hệ giữa "Hoàng Việt luật lệ" và "Đại Thanh luật lệ", *Tạp chí nghiên cứu Trung Quốc*, số 7/2011, tr. 69 - 80.

phạt hoặc thay thế cho việc thi hành hình phạt. Trước pháp luật, người phụ nữ cũng được bảo vệ những quyền lợi cơ bản như quyền bảo vệ thân thể, quyền thừa kế tài sản, quyền tự do hôn nhân, quyền từ bỏ hôn ước và quyền li dị chồng...⁽²⁸⁾

Những giá trị để lại của bộ Hoàng Việt luật lệ cùng cách thức biên soạn bộ luật này của triều Nguyễn là gợi mở đối với hoạt động xây dựng và ban hành pháp luật ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập hiện nay. Một số bộ luật ở Việt Nam hiện nay có “tuổi thọ” tương đối ngắn (ví dụ: Bộ luật dân sự Việt Nam cứ 10 năm lại ban hành mới). Sự thay đổi này có thể bắt nguồn từ những chuyển biến nhanh chóng trong đời sống kinh tế-xã hội, tuy nhiên có thể thấy nhiều bộ luật ở các quốc gia phát triển vẫn có sức sống mạnh mẽ (như Bộ luật dân sự Pháp, Bộ luật dân sự Đức). Một số lí giải khác cho rằng các bộ luật có sức sống ngắn ngủi bởi lẽ chưa phản ánh được một cách rõ nét truyền thống văn hoá của người Việt mà chỉ đơn thuần là học tập các quy định từ nước ngoài, một số quy định khi đi vào đời sống thể hiện tính không khả thi và phù hợp với văn hoá của người Việt. Do vậy, cần tham khảo thêm cách thức và quy trình xây dựng của các văn bản pháp luật trong quá khứ để tìm ra những giá trị truyền thống có thể kế thừa, phát huy trong thời điểm hiện tại.

Thứ tư, tăng cường hoạt động giám sát, kiểm tra trong xây dựng và ban hành văn bản để nâng cao chất lượng văn bản. Thời Nguyễn,

văn bản của các cơ quan phải được kiểm tra chéo lẫn nhau, chỗ nào không hợp được phép tâu trình trực tiếp lên Hoàng đế rồi chờ phê duyệt. Dự ngày 13 tháng Giêng năm Minh Mệnh 11 (1830) viết: “*Từ nay về sau nếu gặp Nội các nghĩ chi có chỗ không đúng, cho đường Lục bộ quan trích ra tham tấu; đường quan Lục bộ nghĩ chi hoặc bàn tâu việc gì có chỗ không đúng, thì cho Nội các trích ra tham tấu. Nếu việc làm đã thoả đáng mà Lục bộ hay Nội các dám theo ý riêng bảo là không đúng, thì việc thuộc nha nào cũng cho cử thực phúc tấu, đợi Trẫm xét định. Nếu Lục bộ nghĩ chi và bàn tâu có chỗ không đúng mà Nội các không xét ra được, hoặc Nội các nghĩ chi có chỗ không đúng mà Lục bộ không xét ra được, để kẻ phát giác hoặc tự Trẫm trích ra được, trừ ngoài chỗ không đúng sẽ theo tội nặng nhẹ xử tội, mà những viên thất sát tất phải theo luật trừng trị nặng thêm. Như thế là lập pháp mong ràng buộc được lẫn nhau, trừ hẳn được mỗi tệ. Nếu quan viên nào can bậy, ngóng theo chiều gió, ngầm kết bè đảng để cùng nhau làm gian, thì tội rất lớn, giết chết không tha*”.⁽²⁹⁾

Năm 1831, Vua định lệ cho các quan văn võ trực ban, cho các bộ và Nội các kiểm xét lẫn nhau với những quy định như:

- Lệ trước văn ban thì sáu bộ, từ thự thị lang trở lên, cùng với võ ban từ thự thống chế trở lên thay phiên nhau vào trực một ngày một đêm, từ nay sáu bộ chia làm ba ban thay nhau vào trực, cứ một ngày một đêm làm một ban, mỗi ban phải có hai viên đường quan của hai bộ; phẩm khi có bản thảo chỉ dụ

(28). Nguyễn Thị Thu Thủy, *Tình tích cực của “Hoàng Việt luật lệ” và giá trị của nó đối với nền tư pháp Việt Nam hiện đại*, Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ IV, Viện Việt Nam học, 2012, tr. 145.

(29). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Dại Nam thực lục*, tập 3, sđd, tr. 30.

châu phê ban ra thì quan đường trực cùng với quan Nội các hội đồng kính duyệt, do Nội các viết ra bản khác, ở cuối giấy đều phải viết tên và kí chữ, rồi đem nguyên bản trình lên. Nguyên bản ấy để lại ở trong để tiêu đi, còn bản viết thì sau khi ban ra, việc do bộ thì bộ viết lại, việc do các quan thì các viết lại, rồi đóng ấn quốc bảo để thi hành. Trong hai viên đương trực, nếu một viên gặp việc cần phải hỏi tị thì còn một viên vẫn phải cùng với Nội các đứng lên mà kính duyệt. Nếu việc quan hệ cả đến hai bộ mà hai viên đều cần hỏi tị thì cho lưu việc đến ban sau.

- Sau khi tâu sớ văn thư, cho các nha môn trong ngoài, dâng lên mà có lời sắc chỉ và bắt thần có sắc bảo soạn dụ chỉ nếu do bộ nghĩ soạn thì Nội các duyệt, do Nội các nghĩ soạn thì quan đường trực duyệt, vẫn do Nội các tâu xin dùng ấn quốc bảo. Nếu nghĩ soạn có chỗ sai lầm cho hai bên được tham hạch lẫn nhau.

- Phàm có lời châu phê ban ra thì quan Nội các và quan đường trực hội đồng cùng duyệt, việc thuộc bộ nào thì do Nội các sao gởi cho bộ ấy, bộ thần lại chiếu nguyên bản sao ra trường tất, do quan đương trực xét thực, chính tay viết chữ kí vào rồi giao cho Nội các để xét nghiệm lẫn nhau.

- Khi dùng ấn quốc bảo thì quan đường trực cùng với Nội các hội đồng kiểm duyệt, rồi đăng kí vào sổ; lệ trước có một viên võ ban xét nghiệm thì bỏ.

- Phàm tâu nghị của đình thần cùng văn bằng có ấn công đồng thì các quan văn võ đường trực hội đồng để kiểm xét và đăng kí.⁽³⁰⁾

(30). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 3, sdd, tr. 143, 144.

Một văn bản khi được kiểm tra, giám sát bằng những cách thức như vậy sẽ hoàn chỉnh, hoàn thiện hơn về nội dung, nâng cao tính hợp lí, hợp pháp của văn bản.

Bên cạnh đó những bài học về đảm bảo tính bảo mật trong văn bản, chú trọng việc bảo quản và lưu trữ văn bản cũng là những giá trị tích cực cần kế thừa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Quang Chấn, “Tổ chức và hoạt động của Hàn lâm viện trong lịch sử”, *Tạp chí khoa học và xã hội Việt Nam*, số 3/2013
2. Vũ Thị Phụng, *Văn bản quản lí nhà nước thời Nguyễn (1802 - 1884)*, Luận án tiến sĩ, Đại học quốc gia Hà Nội, 1999.
3. Vũ Thị Phụng, “Những quy định của nhà Nguyễn về việc bảo mật thông tin trong văn bản”, *Tạp chí văn thư lưu trữ Việt Nam*, số 01/20054.
4. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2004.
5. Nguyễn Toàn Thắng, “Sơ lược về công tác công văn giấy tờ thời phong kiến Việt Nam”, *Nội san Trường chính trị Phạm Hùng*, <http://www.tctph.gov.vn/modules.php?name=Noisan&id=30>
6. Nguyễn Q. Thắng, *Lược khảo Hoàng Việt luật lệ (Tìm hiểu luật Gia Long)*, Nxb. Văn hoá thông tin, 2002, Hà Nội.
7. Nguyễn Thị Thu Thủy, Về mối quan hệ giữa “Hoàng Việt luật lệ” và “Đại Thanh luật lệ”, *Tạp chí nghiên cứu Trung Quốc*, số 7/2011.
8. Nguyễn Thị Thu Thủy, *Tính tích cực của “Hoàng Việt luật lệ” và giá trị của nó đối với nền tư pháp Việt Nam hiện đại*, Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ IV, Viện Việt Nam học, 2012.